TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2019/QĐST-KDTM	*Quận Ngô Quyền, ngày 28 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 28/2019/TLST-KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2019;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng X; địa chỉ trụ sở: đường A, phường B, quận C, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Ngọc T, nơi cư trú: đường A1, phường B1, quận 1, thành phố Hà Nội; Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng X, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 3 năm 2019).

- Bị đơn: Công ty Y; địa chỉ trụ sở: đường A2, phường B2, quận C2, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Bùi Thị L; nơi cư trú: đường A3, phường B3, quận C3, thành phố Hải Phòng; chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị L; nơi cư trú: đường A3, phường B3, quận C3, thành phố Hải Phòng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản nợ gốc, nợ lãi:

Tính đến ngày 20/8/2019, Công ty Y còn nợ và phải trả Ngân hàng X số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và quá hạn theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Đối với hợp đồng tín dụng số 040715-648370-01-SME ngày 06/7/2015, Công ty Y còn nợ Ngân hàng X số tiền tổng cộng: 247.165.134 đồng; trong đó nợ gốc: 210.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 33.863.225 đồng, lãi phạt chậm trả: 3.301.909 đồng.

- Đối với hợp đồng tín dụng số 230615-648370-01-SME ngày 24/6/2015, Công ty Y còn nợ Ngân hàng X số tiền tổng cộng: 216.264.493 đồng; trong đó nợ gốc: 182.100.000 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 31.013.241 đồng, lãi phạt chậm trả: 3.151.252 đồng.

- Đối với hợp đồng tín dụng số 010216-648370-01-SME ngày 02/02/2016, Công ty Y còn nợ Ngân hàng X số tiền tổng cộng: 111.502.522 đồng; trong đó nợ gốc: 91.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 18.175.687 đồng, lãi phạt chậm trả: 2.326.835 đồng.

- Đối với hợp đồng tín dụng số 050516-648370-01-SME ngày 06/05/2016, Công ty Y còn nợ Ngân hàng X số tiền tổng cộng: 196.720.718 đồng; trong đó nợ gốc: 174.091.967 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 20.950.723 đồng, lãi phạt chậm trả: 1.678.028 đồng.

- Đối với hợp đồng tín dụng số 250716-648370-01-SME ngày 26/7/2016, Công ty Y còn nợ Ngân hàng X số tiền tổng cộng: 138.421.861 đồng; trong đó nợ gốc: 110.160.000 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 24.784.199 đồng, lãi phạt chậm trả: 3.477.662 đồng.

- Đối với hợp đồng tín dụng số 211216-648370-01-SME ngày 22/12/2016, Công ty Y còn nợ Ngân hàng X số tiền tổng cộng: 268.463.990 đồng; trong đó nợ gốc: 220.250.000 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 43.091.567 đồng, lãi phạt chậm trả: 5.122.423 đồng.

Ngân hàng Ngân hàng X miễn toàn bộ tiền lãi phạt chậm trả cho Công ty Y tính đến ngày 20/8/2019 là 19.058.109 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ gốc, nợ lãi bị đơn phải trả là 1.159.480.609 đồng; trong đó: Nợ gốc 987.601.967 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn 171.878.642 đồng

2.2. Về phương thức, thời hạn thanh toán:

Công ty Y có trách nhiệm thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn cho Ngân hàng X.

Kể từ ngày 21/8/2019, bị đơn Công ty Y phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách

hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Về quyền phát mại tài sản thế chấp:

Trường hợp Công ty Y vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi nói trên, Ngân hàng X có quyền yêu cầu phát mại các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên. Cụ thể:

- Vi phạm các Hợp đồng tín dụng số 040715-648370-01-SME ngày 06/07/2015, Hợp đồng tín dụng số 010216-648370-01-SME ngày 02/02/2016, Hợp đồng tín dụng số 050516-648370-01-SME ngày 06/05/2016, Hợp đồng tín dụng số 250716-648370-01-SME ngày 26/7/2016, Hợp đồng tín dụng số 211216-648370-01-SME ngày 22/12/2016, Ngân hàng X được quyền yêu cầu phát mại các tài sản là:

+ 01 Xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL, số loại PROSTAR, màu vàng, số khung: SJR5BN422161; Số máy: 5HM2Y4106369, biển kiểm soát số 15C-156.35 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016157 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 23/6/2015 cho Công ty Y.

+ 01 xe sơ mi rơ mooc nhãn hiệu CIMC, màu xanh, số khung: 238XF1018511, biển kiểm soát số 15R-082.76 theo Giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc, sơ mi rơ mooc số 005464 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 23/6/2015 cho Công ty Y.

Theo Hợp đồng thế chấp số 040715-648370-01-SME/TC ngày 06/7/2015.

- Vi phạm các Hợp đồng tín dụng số 040715-648370-01-SME ngày 06/07/2015, Hợp đồng tín dụng số 230615-648370-01-SME ngày 24/6/2015, Hợp đồng tín dụng số 010216-648370-01-SME ngày 02/02/2016, Hợp đồng tín dụng số 050516-648370-01-SME ngày 06/05/2016, Hợp đồng tín dụng số 250716-648370-01-SME ngày 26/7/2016, Hợp đồng tín dụng số 211216-648370-01-SME ngày 22/12/2016, Ngân hàng X được quyền yêu cầu phát mại các tài sản là:

+ 01 Xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu CNHTC, số loại ZZ4257, màu trắng, số khung: LSB2FN075775; Số máy: 150417017607, biển kiểm soát số 15C-151.50 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015750 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 16/6/2015 cho Công ty Y.

+ 01 xe sơ mi rơ mooc nhãn hiệu CIMC, màu xanh, số khung: 2388F1018507, biển kiểm soát số 15R-079.35 theo Giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc, sơ mi rơ mooc số 005316 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 16/6/2015 cho Công ty Y.

Theo Hợp đồng thế chấp số 230615-648370-01-SME/TC ngày 24/6/2015.

+ 01 Xe sơ mi rơ mooc nhãn hiệu CIMC, màu xanh, biển kiểm soát số 15R-068.01 theo Giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc, sơ mi rơ mooc số 003795 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/4/2015 cho Công ty Y theo Hợp đồng thế chấp số 040515-648370-01-SME/TC ngày 05/05/2015.

+ 01 Xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu FREIGHTLINER, số loại ST120064S, màu xanh, số khung: BCG55LU96222, số máy: 6E06R0816394 biển kiểm soát số 15C-099.02 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006639 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 08/12/2014 cho Công ty Y theo Hợp đồng thế chấp số 171214-648370-01-SME/TC ngày 17/12/2014.

- Vi phạm các Hợp đồng tín dụng số 050516-648370-01-SME ngày 06/05/2016, Hợp đồng tín dụng số 250716-648370-01-SME ngày 26/7/2016, Hợp đồng tín dụng số 211216-648370-01-SME ngày 22/12/2016, Ngân hàng X được quyền yêu cầu phát mại các tài sản là:

+ 01 xe sơ mi rơ mooc nhãn hiệu CIMC, màu vàng, số khung: 2380FN031454, biển kiểm soát số 15R-110.06 theo Giấy chứng nhận đăng ký mooc, sơ mi rơ mooc số 009652 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 29/4/2016 cho Công ty Y.

+ 01 xe sơ mi rơ mooc nhãn hiệu CIMC, màu xanh, số khung: 238XFN031347, biển kiểm soát số 15R-110.39 theo Giấy chứng nhận đăng ký mooc, sơ mi rơ mooc số 009651 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 29/4/2016 cho Công ty Y.

Theo Hợp đồng thế chấp số 050516-648370-01-SME/TC ngày 06/5/2016.

2.4. Về thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:

Trường hợp Công ty Y vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bà Bùi Thị L có trách nhiệm trả nợ toàn bộ các khoản nợ của Công ty Y tại Ngân hàng X phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng số 010216-648370-01-SME ngày 02/02/2016, Hợp đồng tín dụng số 050516-648370-01-SME ngày 06/05/2016, Hợp đồng tín dụng số 250716-648370-01-SME ngày 26/7/2016, Hợp đồng tín dụng số 211216-648370-01-SME ngày 22/12/2016 đã ký kết giữa Công ty Y và Ngân hàng X.

2.5. Về án phí:

Nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: {50% x [36.000.000 + 3% (1.159.480.609 – 800.000.000)]} : 2 = 11.696.000 đồng (làm tròn). Chấp nhận sự tự nguyện của Công ty Y nhận nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Công ty Y phải nộp 23.392.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng X số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 22.127.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 5871 ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Thu